

Bản án số:03/2019/HS-ST
Ngày 16/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thế Huân

Bà Đỗ Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân - Thư Tòa án TAND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Dương Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:112/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân Th, sinh ngày 10/7/1971 tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1973; có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2018 đến ngày 08/10/2018. Có mặt.

2. Lê Văn Ng, sinh ngày 05/4/1982 tại xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 4, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam con ông Lê Văn T, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1947; có vợ là Lê Thị C, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2018 đến ngày 08/10/2018; có mặt.

3. Lê Văn H, sinh ngày 10/11/1975 tại xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 4, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th, sinh năm

1932 và bà Lê Thị C, sinh năm 1935; có vợ là Lê Thị Th, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2018 đến ngày 11/10/2018. Có mặt.

4. Lê Đình L, sinh ngày 20/10/1980 tại xã T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình L, sinh năm 1945 và bà Lê Thị Ph (đã chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/10/2018 đến ngày 11/10/2018. Có mặt.

5. Nguyễn Quang T, sinh ngày 20/4/1986 tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 6, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 08/10/2018 đến ngày 11/10/2018; có mặt.

6. Nguyễn Văn B, sinh ngày 20/11/1989 tại xã T, huyện H, Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 9, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 và bà Lê Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1997; bị cáo có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/10/2018 đến ngày 11/10/2018; Có mặt.

7. Lê Quốc C, sinh ngày 07/5/1990 tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; có vợ Lê Thị H, sinh năm 1992, có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2018 đến ngày 12/10/2018. Có mặt.

8. Lê Văn Đ, sinh ngày 17/01/1986 tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 8, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958; chưa có vợ con; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2018 đến ngày 12/10/2018. Có mặt.

9. Nguyễn Hồng A, sinh ngày 01/10/1979 tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 6, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng Cg, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị C (đã chết); bị cáo có vợ là Mai Thị Th, sinh năm 1983 và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Xuân V, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Th, huyện H, Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Công L, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện H, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30' ngày 05/10/2018, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Lê Quốc C, Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ đến nhà Lê Xuân Th chơi và cùng rủ nhau đánh bạc và Th đã đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà mình, hình thức ba cây cào chương chống cửa từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, đánh tại phòng ngủ nhà Th có chiếu chài sẵn và có sẵn bài trong nhà, sử dụng 36 cây bài trong bộ tứ lơ khơ 52 cây (bỏ 10, J, Q, K), tính tổng điểm để phân thắng thua. Khoảng 15 đến 20 phút sau, có Nguyễn Hồng A đến tham gia đánh bạc cùng. Quá trình đánh bạc 08 người chơi góp mỗi người 100.000 đồng, tổng 800.000 đồng đưa cho Th gọi là tiền chiếu. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, B không đánh nữa mà về trước. Đến 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc bộ bài tứ lơ khơ gồm 36 cây, số tiền 15.800.000 đồng, thu giữ trên người Lê Xuân Th số tiền 800.000 đồng là tiền chiếu các bị cáo khác đưa cho Th. Quá trình bắt giữ có Lê Hồng A, Nguyễn Quang T, Lê Quốc C, Lê Văn Đ chạy thoát. Ngày 08/10/2018 Nguyễn Quang T và Nguyễn Văn B đến cơ quan công an huyện H đầu thú, B giao nộp số tiền 1.300.000 đồng là tiền đánh bạc mang về. Ngày 09/10/2018, Lê Quốc C và Lê Văn Đ đến cơ quan công an huyện H để đầu thú, Lê Hồng A được triệu tập lên làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai khi đánh bạc bị cáo Lê Văn Ng sử dụng số tiền đánh bạc là 6.200.000 đồng, Lê Văn H sử dụng số tiền đánh bạc là 3.000.000 đồng, Lê Đình L sử dụng số tiền đánh bạc là 2.200.000 đồng, Lê Quang T sử dụng số tiền đánh bạc là 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn B sử dụng số tiền đánh bạc là 850.000 đồng, quá trình đánh bạc thắng 450.000 đồng, đã giao nộp, Lê Quốc C sử dụng số tiền đánh bạc là 700.000 đồng, Lê Văn Đ sử dụng số tiền đánh bạc là 600.000 đồng, Nguyễn Hồng A sử dụng số tiền đánh bạc là 600.000 đồng. Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc và số tiền Nguyễn Văn B giao nộp tổng là 17.100.000 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng), thu trong người Lê Xuân Th 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C, Lê Văn Đ và Nguyễn Hồng A đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc đúng như nêu trên phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSHH ngày 17/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Hoàng Hóa truy tố các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C, Lê Văn Đ và Nguyễn Hồng A về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê Xuân Th từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Lê Văn Ng từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Lê Văn H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Lê Đình L từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Nguyễn Quang T từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

Lê Quốc Cường từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

Do các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Lê Quang T và Lê Quốc C có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt:

Nguyễn Văn B từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Đ hình phạt tiền từ 30 triệu đến 35 triệu đồng; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A hình phạt tiền từ 30 triệu đến 35 triệu đồng.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số bộ bài tú lơ khơ, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.900.000 đồng được dùng vào việc phạm tội đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo đã rất ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C, Lê Văn Đ và Nguyễn Hồng A là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đánh bạc hình thức ba cây cầm chương với số tiền đánh bạc là 17.100.000 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng). Đối với bị cáo Lê Xuân Th đã cho các bị cáo khác dùng nhà của mình là nơi phạm tội, thu tiền chiếu là 800.000 đồng và chuẩn bị chè nước cho các bị cáo đánh bạc nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gà bạc” mà hành vi của bị cáo cấu thành tội “Đánh bạc”. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy hành vi của các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C, Lê Văn Đ và Nguyễn Hồng A đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc”, tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Đây là vụ án đánh bạc có số đông bị cáo tham gia, số tiền phạm tội lớn, gây mất trật tự trị an trong khu vực. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo đều thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Quang T, Lê Quốc C và Lê Văn Đ đã đầu thú, bỏ các bị cáo Nguyễn Quang T, Lê Văn Ng, mẹ bị cáo Lê Xuân Th đều là người có công với cách mạng (có huân chương kháng chiến); Do đó áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức, tuy nhiên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án về hành vi Đánh bạc để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Bị cáo Lê Xuân Th đã cho các bị cáo khác sử dụng nhà của mình là nơi phạm tội, thu tiền chiếu là 800.000 đồng và phục vụ chè nước cho các con bạc là hành vi Gá bạc nhưng chỉ đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, cần phải chịu mức hình phạt cao nhất. Tuy nhiên việc phạm tội của bị cáo chỉ là bột phát nên cũng cần căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra mức hình phạt phù hợp

Bị cáo Lê Văn Ng tham gia đánh bạc từ đầu cho tới khi bị bắt và có số tiền đánh bạc lớn nhất nên cần đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc, tương đương với bị cáo Th.

Các bị cáo Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T đều tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt và có số tiền đánh bạc ngang nhau, vì vậy phải chịu mức hình phạt ngang nhau.

Bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Quốc c, Lê Văn Đ tham gia đánh bạc với số tiền ít hơn, khi bị phát hiện do hoảng sợ nên chạy trốn và sau đó đầu thú là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên căn cứ trên tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo thành người lương thiện.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồng A vào tham gia đánh bạc sau so với các bị cáo khác, bị cáo A và bị cáo Lê Văn Đ phạm tội vì động cơ vụ lợi, số tiền đánh bạc ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bố bị cáo là người thành tích trong kháng chiến (là thương binh) nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần cho bị cáo hưởng mức hình phạt chính bằng tiền để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, tự tu dưỡng để trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích thu lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, tuy nhiên Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Lê Quốc C đều là lao động tự do, công việc thất thường, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban xã, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và các bị cáo bị hình phạt chính bằng tiền.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.900.000 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng) được dùng vào việc phạm tội đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Vì các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C, Lê Văn Đ và Nguyễn Hồng A phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân Th 14 (mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (Hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ng 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Đình L 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc C 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung: phạt tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ: phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Xuân Th, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C cho Ủy ban nhân dân xã Hoàng Th, huyện H, giao bị cáo Lê Văn Ng, Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hoàng Hóa để giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của

Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ đã qua sử dụng theo biên bản giao nhận vật chứng số 25/BBGN ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.900.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng) được dùng vào việc phạm tội theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000861 ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo Lê Xuân Th, Lê Văn Ng, Lê Văn H, Lê Đình L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn B, Lê Quốc C, Lê Văn Đ và Nguyễn Hồng A hải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Nơi nhận:

- VKSND h.H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an h.H;
- Bị cáo;
- UBND xã Hoàng Th;Hoàng T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

